

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN THỊ THƠM^(*)

Tóm tắt: “Triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay là gì” là câu hỏi thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu cũng như của xã hội. Mặc dù đã được đặt ra từ lâu, song, đến nay câu hỏi này vẫn chưa có câu trả lời thống nhất. Trong bài viết này, tác giả không có tham vọng đi tìm triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay mà bước đầu tìm hiểu một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những khó khăn trong việc tìm câu trả lời cho câu hỏi trên, đồng thời, góp thêm cách tiếp cận khái niệm “triết lý giáo dục” làm tài liệu tham khảo cho việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: triết lý, triết lý giáo dục, truyền thống, hiện đại, Việt Nam.

Abstract: “What is the current educational philosophy in Vietnam” is a question that attracts the attention of researchers as well as society. Although it has been asked for a long time, so far this question has not had a unified answer. In this article, the author does not have the ambition to find the current educational philosophy in Vietnam, but initially explores some of the basic causes leading to the difficulties in finding answers to the above question, and at the same time, contributes the approach to the concept of “educational philosophy” as a reference for determining the current educational philosophy in Vietnam now.

Keywords: philosophy, educational philosophy, tradition, modernity, Vietnam.

Ngày nhận bài: 29/01/2024; **Ngày gửi phản biện:** 03/02/2024; **Ngày duyệt đăng bài:** 15/4/2024.

Mở đầu

Câu chuyện đi tìm triết lý giáo dục Việt Nam là câu chuyện không mới. Trong 10 năm gần đây, câu chuyện này được bàn luận khá nhiều. Chúng ta cứ loay hoay đi tìm triết lý giáo dục nhưng dù đã tốn không ít công sức và giấy mực nhưng vẫn chưa có câu trả lời thống nhất cho câu hỏi “Triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay là gì?”. Vì vậy, việc tìm hiểu một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những khó khăn trong việc tìm câu trả lời cho câu hỏi trên, đồng thời, đưa ra cách tiếp cận khái niệm “triết lý giáo dục” là việc làm có ý nghĩa lí luận và thực tiễn, góp phần tháo gỡ những khó khăn trong việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

1. Một số lí do cơ bản khiến câu hỏi “triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay là gì?” được đặt ra

Những năm gần đây, những người làm công tác giáo dục cũng như các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm đi tìm triết lý giáo dục Việt Nam. Yêu cầu xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay được đặt ra xuất phát từ một số lí do sau:

Một là, xuất phát từ thói quen sử dụng ngôn từ của người Việt Nam

“Triết lý” là một khái niệm quen thuộc đối với người Việt Nam, được sử dụng rất phổ biến trong đời sống cũng như trong khoa học, phản ánh phong phú, đa dạng các vấn đề của cuộc sống: triết lý nhân sinh, triết lý đạo đức, triết lý kinh doanh, triết lý sống, triết lý tình yêu,

^(*) Đại học Thủ đô.

triết lí dùng người, triết lí dạy con, triết lí quản trị nhân lực, triết lí hành động, v.v.. Nói chung, với người Việt Nam dường như cái gì cũng có triết lí của nó và tất nhiên, tiếp tục dòng thói quen ngôn ngữ đó, chúng ta có “triết lí giáo dục” và vì chưa thống nhất trong việc xác định triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay nên nhiệm vụ đi tìm triết lí giáo dục Việt Nam, nhận diện nó là gì được đặt ra và trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội.

Hai là, xuất phát từ quan điểm cho rằng nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong giáo dục hiện nay là do Việt Nam chưa có triết lí giáo dục rõ ràng.

Chúng ta cho rằng triết lí đóng vai trò quan trọng, định hướng cho sự phát triển của con người và xã hội. Vì thế, trước những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập cũng như một số vấn đề xảy ra trong giáo dục những năm gần đây, chúng ta cho rằng nguyên nhân là do Việt Nam chưa có triết lí giáo dục rõ ràng, vì thế, chúng ta đặt ra nhiệm vụ đi tìm cho được triết lí giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, liệu có phải Việt Nam chưa có triết lí giáo dục hay không? Việc chưa xác định được triết lí giáo dục có phải là nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập cũng như một số vấn đề bức xúc xảy ra trong giáo dục hiện nay không?

Về câu hỏi thứ nhất, chúng tôi cho rằng, nói Việt Nam chưa có triết lí giáo dục là chưa đúng bởi: 1) Trước hết, triết lí không phải lúc nào cũng biểu hiện qua câu chữ, “triết lí, tư tưởng còn được biểu hiện, thể hiện qua nhiều hình thức khác như âm nhạc, hội họa, điêu khắc, qua hành động, hoạt động, hành vi, thái độ, cử chỉ, cách đối nhân xử thế của con người” (Nguyễn Hùng Hậu, 2007). Một đối tượng nào đó tồn tại hay không tồn tại, có hay không hoàn toàn không phụ thuộc vào việc chúng ta đã nhận thức được nó hay chưa. Vì thế, không thể dựa vào việc chúng ta chưa nhận diện, chưa gọi tên được triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay mà cho rằng nó chưa có. 2) Trong truyền thống, Việt Nam đã có triết lí giáo dục với ba thời kì: thời Phong kiến, thời Pháp thuộc, thời kì từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến 1985. Thời kì Phong kiến, triết lí giáo dục Việt Nam gắn liền với triết lí giáo dục Nho học với mục tiêu đào tạo những con người thừa hành theo khuôn mẫu định sẵn. Thời Pháp thuộc, ban đầu thực dân Pháp vẫn duy trì chế độ học tập và thi cử theo Nho học. Đến năm 1919, chế độ khoa cử Nho học chính thức bị bãi bỏ và thực dân Pháp bắt đầu đưa vào nước ta nền giáo dục hiện đại của phương Tây trên cơ sở tư tưởng khai sáng. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, triết lí giáo dục Việt Nam gắn với tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh với mục tiêu phục vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, xuyên suốt từ truyền thống đến hiện đại, Việt Nam còn có hệ thống triết lí giáo dục không chính thống (triết lí giáo dục bình dân) được thể hiện sinh động trong kho tàng tục ngữ, ca dao. Hiện nay, triết lí giáo dục trong tục ngữ, ca dao về những vấn đề như mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục, v.v. vẫn thể hiện được giá trị của nó trong giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội: “Học để làm người”, “Học ăn, học nói, học gói, học mở”, “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”, “Học là học để mà hành, vừa hành vừa học mới thành người khôn”, “Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi”, “Học khôn học đến chết, học nết học đến già”, “Tiên học lễ, hậu học văn” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 120, 120, 114, 121, 131, 120, 146), v.v.. Nói đến triết lí thì có “triết lí cao siêu và triết lí giản đơn, triết lí bác học và triết lí bình dân” (Nguyễn Đình Chú, 2011, tr. 5). Chúng ta cho rằng, hiện nay Việt Nam chưa có triết lí giáo dục phải chăng là muốn đi tìm triết lí cao siêu, triết lí bác học? Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam là bậc đại trí, đại nhân, đại dũng, song,

Người không ưa nói sách vở, không ưa nói những điều cao siêu, bác học mà luôn nói và viết một cách giản dị, dễ hiểu thế mà vẫn xoay chuyển được vận mệnh của cả dân tộc trong muôn vàn sóng gió thăng trầm của thời đại.

Về câu hỏi thứ hai, chúng tôi cho rằng, nói nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập, cũng như một số vấn đề xảy ra trong giáo dục hiện nay do chưa xác định được triết lý giáo dục là chưa thỏa đáng. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập của giáo dục trong những năm vừa qua do nhiều nguyên nhân mà một trong những nguyên nhân cơ bản là do mâu thuẫn giữa *mong muốn - nhận thức - hành động thực tế*. Đường lối phát triển giáo dục đã được Đảng đề ra qua các kỳ Đại hội và được thể hiện tập trung trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trên cơ sở đó, nhiều sáng kiến đổi mới giáo dục được triển khai nhưng trong quá trình thực hiện đã nảy sinh những khó khăn, bất cập mà nguyên nhân có thể do chúng ta nhận thức chưa đúng, chưa phù hợp, do năng lực yếu kém, do làm chưa đến nơi đến chốn, v.v.. Tuy nhiên, đến khi nhìn nhận, đánh giá nguyên nhân, chúng ta không dám nhận khuyết điểm, không dám chịu trách nhiệm mà thường đổ lỗi do nguyên nhân khách quan nào đó và một trong những nguyên nhân khách quan đó là hiện nay Việt Nam chưa có triết lý giáo dục. Một dân tộc với truyền thống tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn hàng ngàn năm, một dân tộc luôn biết “ôn cố tri tân” và đã sản sinh ra biết bao vị anh hùng, biết bao người con ưu tú mà lại cho rằng hiện nay chưa có triết lý giáo dục, chưa xác định được triết lý giáo dục thì thật là vô lý. Chẳng cần phải tìm kiếm đâu xa, nếu có thể kế thừa những triết lý giáo dục trong tục ngữ, ca dao và làm cho tốt thì đã quý lắm rồi. Vì vậy, vấn đề ở đây là hành động như thế nào, thực hiện như thế nào mới là quan trọng, chứ đâu phải là thiếu triết lý, thiếu đường hướng.

2. Một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những khó khăn trong việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay

Việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều ý kiến, quan điểm, cách tiếp cận khác nhau và chưa đi đến thống nhất. Sự khó khăn trong việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay do nhiều nguyên nhân, trong đó có thể kể đến một số nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, việc xác định nội hàm khái niệm “triết lý”, “giáo dục”, “triết lý giáo dục” chưa được quan tâm đúng mức.

Chúng ta đi tìm triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay nhưng nhiều khi chưa quan tâm cắt nghĩa khái niệm “triết lý giáo dục”. Nếu khái niệm “triết lý giáo dục” vẫn chưa được làm rõ thì biết tìm triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay như thế nào? Có một thực tế như đã nói là người Việt Nam rất ưa dùng khái niệm triết lý trong đời sống cũng như trong khoa học. Khái niệm triết lý thông dụng đến mức chúng ta không khó gặp tình trạng nghiên cứu về triết lý này, triết lý kia mà quên mất việc cắt nghĩa “triết lý” được tiếp cận, được hiểu trong nghiên cứu đó như thế nào. Tức là, trong khoa học, khái niệm triết lý nhiều khi vẫn được dùng một cách nôm na; đòi hỏi người đọc phải tự suy ngẫm, tự luận ra cách hiểu, cách tiếp cận của tác giả. Chúng ta đang mặc nhiên cho rằng mọi người đều biết nó, hiểu về nó, nhưng đâu phải vậy. Với cách hiểu nôm na thì việc sử dụng khái niệm “triết lý” trong giao tiếp hàng ngày sẽ không có vấn đề gì. Tuy nhiên, khi chúng ta bắt đầu đi tìm câu trả lời cho câu hỏi “Vấn đề triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay

là gì?” thì ngay lập tức chúng ta sẽ rơi vào bế tắc bởi thật khó để nhận diện và gọi tên bất cứ cái gì khi ta còn mơ hồ, còn hiểu nôm na về nó. Chính thói quen hiểu và dùng từ một cách nôm na là một trong những nguyên nhân làm cho việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay gặp khó khăn.

Hai là, khái niệm “triết lý” và “giáo dục” là những khái niệm có nhiều cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau.

Chính vì có nhiều cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau về khái niệm “triết lý” và “giáo dục” nên việc xác định “triết lý giáo dục” nói chung, “triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay” nói riêng gặp khó khăn. Để có được sự thống nhất, đồng thuận trong việc xác định “triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay” đòi hỏi phải có sự thống nhất và đồng thuận trong cách hiểu, cách tiếp cận “triết lý” và “giáo dục”. Thực tế cho thấy, chỉ riêng khái niệm triết lý thì giữa các nhà nghiên cứu đã có nhiều cách hiểu khác nhau. Khái niệm triết lý là khái niệm được sử dụng phổ biến nhưng đó là dùng phổ biến theo cách hiểu nôm na nên việc cắt nghĩa khái niệm này không đơn giản. Mỗi người có thể diễn đạt một ý khác nhau theo cách tiếp cận riêng của mình, vì thế, khi chính xác hóa khái niệm này thì “nghe ai diễn đạt cũng không hợp tai, hợp ý mình” bởi chúng ta còn chấp trước vào cách hiểu, cách dùng cố hữu của mình. Vì thế, bao nhiêu giấy mực cũng chưa tìm được cách hiểu chung được xã hội đồng thuận. Đồng thời, khái niệm “giáo dục” trong “triết lý giáo dục” cũng là khái niệm đa nghĩa với nhiều cách tiếp cận khác nhau và đến nay vẫn chưa đi đến cách tiếp cận chung. Chừng nào còn chưa thống nhất trong cách hiểu, cách tiếp cận khái niệm “triết lý” và “giáo dục” chừng đó việc đi tìm cái gọi là triết lý giáo dục nói chung, triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay nói riêng sẽ không tránh khỏi khó khăn.

Ba là, những khó khăn của việc kế thừa và phát triển triết lý giáo dục truyền thống trong xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay trước sự thay đổi giá trị sống.

Kế thừa là quy luật tất yếu của sự phát triển và là quan điểm chỉ đạo nhất quán của Đảng ta. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 75 - 76). Để phát triển giáo dục, cần có sự kế thừa, phát triển những giá trị truyền thống. Tuy nhiên, việc kế thừa và phát triển triết lý giáo dục truyền thống trong việc xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay gặp phải những mâu thuẫn nhất định do sự thay đổi giá trị sống trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Triết lý giáo dục truyền thống của dân tộc Việt Nam dựa trên nền tảng xã hội lấy đạo đức làm trọng, song, trước sự phát triển kinh tế thị trường cùng với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ hiện nay làm cho xã hội có xu hướng chuyển từ coi trọng giá trị đạo đức sang giá trị kinh tế, coi trọng lợi ích tập thể sang coi trọng lợi ích cá nhân, chuyển từ khát vọng cống hiến sang tâm lý hưởng thụ. Sự suy thoái, xuống cấp đạo đức, lối sống đang trở thành một vấn nạn lan tràn vào mọi ngõ ngách, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và giáo dục cũng không phải ngoại lệ. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra những vấn đề còn tồn tại:

“... tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr. 429). Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “... tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ vẫn còn diễn biến phức tạp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 223). Bàn về sự xuống cấp đạo đức trong xã hội nói chung, trong giáo dục nói riêng, GS. Nguyễn Đình Chú từng cho rằng “khí quyển đạo đức đã tan loãng không còn như xưa nữa” (Nguyễn Đình Chú, 2011, tr. 7), chính vì thế khẩu hiệu *Tiên học lễ, hậu học văn* trong hầu hết các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông không phát huy được hiệu quả bởi “khả năng cảm thức của người thời nay, trước hết là các nhà lãnh đạo giáo dục, người đề ra khẩu hiệu đó, kể đến các thầy cô giáo, người thực hiện khẩu hiệu đó, cũng lại không đủ cường độ với khẩu hiệu đó nữa. Do đó mà cứ muốn đi tìm cái khác” (Nguyễn Đình Chú, 2011, tr. 7). Có thể nói, chính sự xuống cấp đạo đức xã hội, sự thay đổi giá trị sống đã tạo nên những khó khăn trong việc kế thừa triết lý giáo dục truyền thống để xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

3. Góp thêm cách hiểu khái niệm “triết lý giáo dục”

Trong bài viết này, tác giả đưa ra một số cách tiếp cận khái niệm “triết lý giáo dục” từ việc làm rõ hai khái niệm “triết lý” và “giáo dục”. Như trình bày ở trên, có nhiều cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau về hai khái niệm này. Đồng thời, khi dịch khái niệm “triết lý” sang một số tiếng cơ bản như tiếng Anh, Pháp, Nga thì đều được dịch giống với khái niệm “triết học”; mà ở Việt Nam, “triết lý” và “triết học” là hai khái niệm không đồng nhất với nhau, vì thế, việc kế thừa quan niệm về “triết lý” từ những nghiên cứu nước ngoài sẽ không được đề cập tới. Việc định nghĩa khái niệm “triết lý” được tác giả thực hiện trên cơ sở hệ thống những quan niệm của các nhà nghiên cứu đi trước (giới hạn phạm vi là những nhà nghiên cứu trong nước), phân tích để tìm ra điểm chung trong những quan điểm đó, từ đó, xác định nội hàm của khái niệm. Đối với khái niệm “giáo dục”, tác giả chỉ dừng lại ở việc khái quát những cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau. Trên cơ sở đó, tác giả sẽ đưa ra các cách tiếp cận khác nhau của khái niệm “triết lý giáo dục”, góp phần làm cơ sở cho việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

- Khái niệm triết lý

Quan niệm của các nhà nghiên cứu đi trước về triết lý: “Về đại thể, triết lý có thể và nên được hiểu là những tư tưởng, quan điểm hay quan niệm, v.v. mang tính khái quát cao; được phản ánh một cách cô đúc dưới dạng các mệnh đề hoặc các phán đoán thường là trau chuốt về mặt ngôn ngữ; và được sử dụng trong đời sống xã hội với tính cách là những định hướng cho hoạt động của con người về mặt thế giới quan, phương pháp luận hoặc nhân sinh quan” (Hồ Sĩ Quý, 1998, tr. 57), “Triết lý là những nguyên lý đầu tiên, những ý tưởng cơ bản được dùng làm nền tảng cho sự tìm tòi và suy lý của con người về cội nguồn, bản chất và các hình thái tự nhiên, xã hội và bản thân, làm phương châm cho sự xử thế và xử sự của con người trong các hành động sống hàng ngày” (Hoàng Trinh, 2000, tr. 8), “Triết lý là kết quả của sự suy ngẫm, chiêm nghiệm và đúc kết thành những quan điểm, luận điểm, phương châm cơ bản và cốt lõi nhất về cuộc sống cũng như về những hoạt động thực tiễn rất đa dạng của con người trong xã hội. Chúng có vai trò định hướng trực tiếp ngược trở lại đối với cuộc sống và những hoạt động thực tiễn rất đa dạng ấy” (Phạm Xuân Nam, 2002, tr. 31 - 32), “1. Lí luận triết học; 2. Quan niệm chung

của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội” (Hoàng Phê, 2003, tr. 1035), “Triết lí là những tư tưởng có tính triết học được coi như những đạo lí có giá trị chỉ đạo các quan hệ và hoạt động của con người” (Dương Phú Hiệp, 2013, tr. 149). Các định nghĩa trên có một số điểm chung cơ bản đó là: 1) Đều cho rằng triết lí là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về những vấn đề nhân sinh và xã hội; 2) Được thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn; 3) Có ý nghĩa định hướng cho con người trong nhận thức và hành động - định hướng giá trị. Trên cơ sở kế thừa những quan điểm trên, chúng ta có thể hiểu: *triết lí là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về những vấn đề nhân sinh và xã hội, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong nhận thức và hành động.*

- *Khái niệm giáo dục*

Giáo dục là một hiện tượng đặc biệt chỉ có ở xã hội loài người, nhờ có giáo dục mà các thế hệ người nối tiếp nhau phát triển, tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc và nền văn minh nhân loại được kế thừa, bổ sung và phát triển. Dưới góc độ là một lĩnh vực của đời sống xã hội, giáo dục là “lĩnh vực liên quan mật thiết nhất tới sự phát triển toàn diện con người cũng như sự phát triển bền vững của mọi quốc gia” (Phạm Minh Hạc, 2001, tr. 55). Nhận thức được vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục, Đảng ta luôn coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta khẳng định: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 77).

Giáo dục là khái niệm có nhiều cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, giáo dục là “Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra; Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của một nước (nền giáo dục, ngành giáo dục)” (Hoàng Phê, 2003, tr. 394). Ta thấy, giáo dục được xem xét dưới góc độ là một hoạt động (theo nghĩa động từ) và dưới góc độ là một lĩnh vực của đời sống xã hội (theo nghĩa danh từ). Theo *Từ điển Giáo dục học*, giáo dục là “1. Hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ những kinh nghiệm, rèn luyện kĩ năng và lối sống, bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng, giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia lao động sản xuất và đời sống; 2. Hệ thống các biện pháp và các cơ quan thực thi nhiệm vụ giáo dục của một nước (giáo dục quốc dân); 3. Hoạt động dạy - học từng mặt giáo dục cho đối tượng nhằm đạt được những mức độ cần thiết theo yêu cầu cụ thể (giáo dục lao động, giáo dục môi trường, giáo dục trí tuệ, v.v.).” (Bùi Hiền, 2001, tr. 105 - 106). Về cơ bản, giáo dục được tiếp cận dưới hai góc độ: là hoạt động và là cơ quan thực thi nhiệm vụ giáo dục của một nước. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận giáo dục với nghĩa là hoạt động.

Với tư cách là một *hoạt động* thì giáo dục là hoạt động đặc trưng của xã hội loài người và được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo *nghĩa rộng*, giáo dục là “quá trình tác động của nhà giáo dục lên các đối tượng giáo dục nhằm hình thành cho họ những phẩm chất nhân cách toàn diện (trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất, kĩ năng lao động, v.v.)” (Phạm Viết Vượng, 2014, tr. 25). Theo *nghĩa hẹp*, giáo dục là “quá trình tác động của nhà giáo dục lên các đối tượng giáo dục để hình thành cho họ ý thức, thái độ và hành vi ứng xử với cộng đồng xã hội” (Phạm Viết Vượng, 2014, tr. 25).

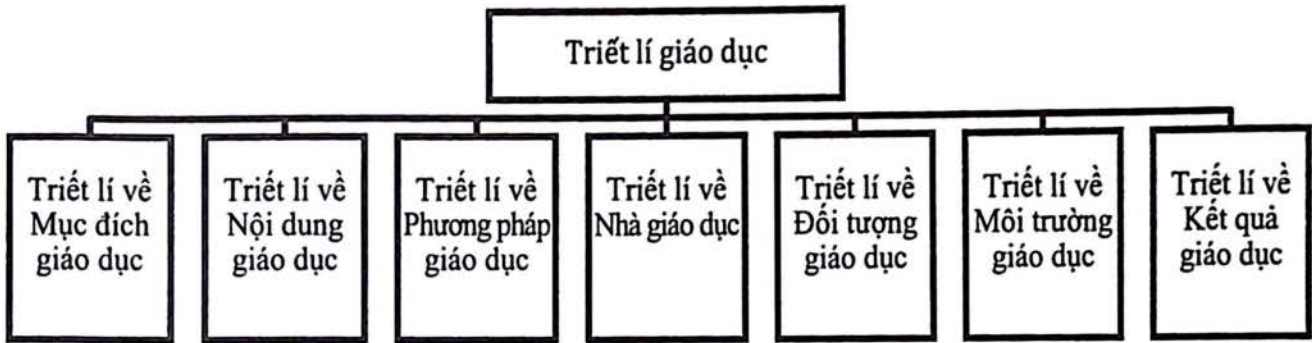
Như vậy có thể thấy, dù theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp, giáo dục là quá trình có hai mặt: *mặt thứ nhất*, đó là những tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục; *mặt thứ hai*, đó là sự thay đổi theo hướng tích cực của đối tượng giáo dục trước những tác động của nhà giáo dục, đó là sự thay đổi về tâm lí, ý thức để hình thành những phẩm chất nhân cách tốt đẹp của người được giáo dục. Hai mặt này có mối quan hệ biện chứng không tách rời nhau, sự tác động của nhà giáo dục sẽ quyết định tới sự thay đổi của đối tượng giáo dục; đồng thời, sự thay đổi của đối tượng giáo dục sẽ giúp điều chỉnh sự tác động của nhà giáo dục. Theo cách tiếp cận hệ thống, quá trình giáo dục bao gồm các thành tố cơ bản đó là: mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, nhà giáo dục, đối tượng giáo dục (người được giáo dục), môi trường giáo dục, kết quả giáo dục (Phạm Quốc Vượng, 2014, tr. 227 - 233). Mỗi thành tố có chức năng riêng và có mối quan hệ biện chứng với nhau. *Mục đích giáo dục* là thành tố hàng đầu, có vai trò định hướng cho sự vận động, phát triển của các thành tố khác và định hướng cho toàn bộ quá trình giáo dục. *Mục đích giáo dục* là cái đích cần đạt được của quá trình giáo dục, là dự kiến về mô hình nhân cách của sản phẩm giáo dục, là lời tuyên bố về chất lượng sản phẩm giáo dục. *Nội dung giáo dục* là hệ thống những kiến thức, kĩ năng, giá trị cần giáo dục cho đối tượng giáo dục. *Phương pháp giáo dục* là cách thức triển khai và phối hợp giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục để thực hiện nội dung giáo dục. *Nhà giáo dục* là chủ thể của các tác động giáo dục. *Đối tượng giáo dục* là cá nhân được thụ hưởng các tác động giáo dục. *Môi trường giáo dục* là những đặc điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.v. của nơi diễn ra các tác động giáo dục. *Kết quả giáo dục* là sản phẩm của những tác động giáo dục trong từng giai đoạn cụ thể.

Như vậy, có nhiều cách tiếp cận khái niệm “giáo dục” khác nhau. Việc nghiên cứu các cách tiếp cận khác nhau của khái niệm “giáo dục” nhằm tạo cơ sở đi đến khái niệm “triết lí giáo dục”. Từ sự phân tích ở trên, có thể tiếp cận khái niệm “giáo dục” dưới những góc độ sau: mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, nhà giáo dục, đối tượng giáo dục, môi trường giáo dục, kết quả giáo dục. Đến đây, chúng ta cũng hiểu hơn vì sao khái niệm triết lí giáo dục nói chung, triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay nói riêng lại có nhiều ý kiến khác nhau và chưa tìm được sự thống nhất, đồng thuận như vậy.

- Khái niệm triết lí giáo dục

Từ khái niệm triết lí, ta có thể hiểu Triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về giáo dục (mục đích, nội dung, phương pháp, nhà giáo dục, đối tượng, môi trường, kết quả giáo dục, v.v.), thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục. Để xác định “những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về giáo dục” là những tư tưởng, quan niệm như thế nào thì chúng ta phải xem xét các cách tiếp cận “giáo dục” ở trên, từ đó, đưa ra cách tiếp cận “triết lí giáo dục”.

Có nhiều cách tiếp cận khái niệm “triết lí giáo dục” khác nhau. Trong bài viết này, xuất phát từ cách hiểu khái niệm triết lí, kết hợp với các cách tiếp cận khái niệm “giáo dục” ở trên, chúng ta có thể tiếp cận khái niệm “triết lí giáo dục” dưới góc độ là triết lí về mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, nhà giáo dục, đối tượng giáo dục, kết quả giáo dục, môi trường giáo dục (trên thực tế chắc chắn sẽ còn nhiều cách tiếp cận hơn nữa, chẳng hạn: tiếp cận dưới góc độ đặc trưng của giáo dục, chức năng của giáo dục, sứ mệnh giáo dục, nguyên lí giáo dục, v.v.).



Dưới góc độ mục đích giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về mục đích giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ nội dung giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về nội dung giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ phương pháp giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về phương pháp giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ nhà giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về nhà giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ đối tượng giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về đối tượng giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ môi trường giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về môi trường giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Dưới góc độ kết quả giáo dục, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về kết quả giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Kết hợp cả bảy cách tiếp cận trên, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về mục đích, nội dung, phương pháp giáo dục, nhà giáo dục, đối tượng giáo dục, môi trường giáo dục, kết quả giáo dục, thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục.

Cả bảy cách tiếp cận về triết lí giáo dục đều có điểm chung đó là: 1) Về nội dung, triết lí giáo dục là những tư tưởng, quan niệm mang tính khái quát về (mục đích, nội dung, phương pháp, nhà giáo dục, đối tượng, môi trường, kết quả) giáo dục; 2) Về hình thức, triết lí giáo dục được thể hiện dưới dạng những mệnh đề, những câu ngắn gọn; 3) Về giá trị, có ý nghĩa định hướng cho con người trong hoạt động giáo dục. Trong bài viết này, tác giả chỉ dừng lại ở việc đưa ra một số cách tiếp cận khái niệm “triết lí giáo dục” làm tài liệu tham khảo cho việc xác định, nhận diện, xây dựng triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay; còn việc xác định, nhận diện, xây dựng triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay nằm ngoài khả năng của tác giả. Tuy nhiên, tác giả nghĩ rằng, cho dù chúng ta chưa nhận diện được, chưa gọi tên triết lí giáo dục Việt Nam hiện nay đi nữa thì điều đó cũng không thực sự đáng lo ngại, bởi, những triết lí giáo dục trong truyền thống cùng với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong lĩnh vực giáo dục chính là cơ sở định hướng cho sự phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay, vấn đề là chúng ta sẽ hành động, sẽ thực hiện như thế nào mà thôi.

Trở về với kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam, chúng ta thấy được triết lý giáo dục thể hiện được đầy đủ các cách tiếp cận trên. Tiếp cận dưới góc độ mục đích giáo dục có câu: “Học để làm người” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 120), “Học thành, danh lập” (Trần Thị An và Nguyễn Thị Huế, 1999, tr. 121), “Học hành thì ích vào thân” (Nguyễn Đăng Thục, 1964, tr. 267); dưới góc độ nội dung giáo dục: “Học ăn, học nói, học gói, học mở”, “Học là học biết giữ gìn/Biết điều nhân nghĩa biết đàng hiếu trung” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 120 - 121); dưới góc độ phương pháp giáo dục: “Nhất sự suy vạn sự” (Trần Thị An và Nguyễn Thị Huế, 1999, tr. 121), “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”, “Luyện mãi thành tài, miệt mài tất giỏi” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 114, 131); dưới góc độ nhà giáo dục: “Dốt kia thì phải cậy thầy/Vụng kia cậy thợ thì mày làm nên”, “Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa” (Trần Thị An và Nguyễn Thị Huế, 1999, tr. 62, 107); dưới góc độ đối tượng giáo dục: “Có công mài sắt có ngày nên kim”, “Có chí thì nên”, “Có thân phải lập thân”, “Muôn lành nghề chớ nề học hỏi” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 102, 102, 104, 134); dưới góc độ môi trường giáo dục: “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”, “Gian khổ là trường học của rèn luyện” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 117); dưới góc độ kết quả giáo dục: “Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi”, “Học hay cây biết”, “Làm người mà được khôn ngoan/Cũng nhờ học tập mọi đường mọi hay”, “Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài/Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi/Con người ta có khác gì/Học hành quý giá ngu si hư đời” (Nguyễn Nghĩa Dân, 2000, tr. 120, 120, 126, 137. 120, 120, 126, 137). Vậy mới thấy, mặc dù cha ông ta chẳng ưa nói lý luận xong lại đúc kết một cách tương đối toàn diện những vấn đề lý luận hiện nay một cách thật giản dị, dễ hiểu. Vì thế, “ôn cố tri tân” là cần thiết trong việc xác triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay, thể hiện được tính liên tục trong sự phát triển của ý thức xã hội.

Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo chính là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay. Đánh giá về tầm quan trọng và vị trí ưu tiên của giáo dục, Đảng ta khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Nghị quyết đưa ra quan điểm chỉ đạo để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đó là: “Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013) với mục tiêu tổng quát: “Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”, “Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Có thể nói, Nghị quyết số 29-NQ/TW là một bản thiết kế chiến lược phát triển giáo dục một cách toàn diện trên tất cả các mặt. Vì vậy, việc nghiên cứu làm thế nào để thực hiện thành công bản thiết kế này là rất cần thiết.

5. Kết luận

Việt Nam là một đất nước có truyền thống tôn sư trọng đạo với triết lý giáo dục được vun bồi từ truyền thống đến hiện đại. Trong truyền thống, Việt Nam có triết lý giáo dục cả bác học và bình dân. Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đường hướng cho sự phát triển giáo dục